

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN</b>	
<b>TP. HỒ CHÍ MINH</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 24796
	Giờ: Ngày 1 tháng 8 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,295,533,024,183</b>	<b>1,141,941,249,354</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>26,920,954,989</b>	<b>111,656,276,573</b>
1. Tiền	111		26,920,954,989	88,656,276,573
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>171,971,200,360</b>	<b>107,562,972,164</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	171,971,200,360	107,562,972,164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>644,380,262,728</b>	<b>500,083,103,563</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	498,694,744,093	466,935,976,739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	103,847,068,387	12,808,234,185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	41,838,450,248	20,338,892,639
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>414,757,673,254</b>	<b>395,515,521,233</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	450,550,403,112	410,603,366,965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(35,792,729,858)	(15,087,845,732)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37,502,932,852</b>	<b>27,123,375,821</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	677,475,960	773,299,178
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16,722,271,265	14,680,336,895
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	4,857,085,688	530,658,754
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	15,246,099,939	11,139,080,994

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>493,722,171,734</b>	<b>467,445,826,633</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>400,137,886,502</b>	<b>378,781,199,443</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	345,571,656,792	334,721,080,006
<i>Nguyên giá</i>	222		525,196,661,683	485,535,019,634
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(179,625,004,891)	(150,813,939,628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	37,732,843,465	37,878,432,783
<i>Nguyên giá</i>	228		38,799,441,240	38,798,741,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,066,597,775)	(920,308,457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	16,833,386,245	6,181,686,654
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60,655,242,690</b>	<b>60,655,242,690</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60,655,242,690	60,655,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32,929,042,542</b>	<b>28,009,384,500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	32,087,148,942	27,167,490,900
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	841,893,600	841,893,600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,789,255,195,917</b>	<b>1,609,387,075,987</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>740,094,076,840</b>	<b>729,355,080,532</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>718,795,808,779</b>	<b>704,082,734,258</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	336,846,963,259	249,283,832,136
2. Phải trả người bán	312	V.18	130,814,185,030	165,684,198,181
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	3,912,166,982	577,547,162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	34,692,876,700	34,698,238,383
5. Phải trả người lao động	315	V.21	19,729,863,811	26,421,160,944
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1,028,850,000	4,592,971,990
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	124,561,677,313	168,533,908,670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	38,255,740,000	34,550,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	28,953,485,684	19,740,876,792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21,298,268,061</b>	<b>25,272,346,274</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	19,200,000,000	23,627,560,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	2,098,268,061	1,644,785,581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,049,161,119,077</b>	<b>880,031,995,455</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,049,161,119,077</b>	<b>880,031,995,455</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	191,808,000,000	191,808,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(32,725,310,618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	422,737,604,432	249,436,576,073
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,789,255,195,917</b>	<b>1,609,387,075,987</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		372,329.69	4,215,390.61
Euro (EUR)		444.75	426.42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Trương Tuyết Phương  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		229,613,994,340	115,368,941,776
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	28,957,354,581	24,478,546,462
- Các khoản dự phòng	03	V.7	20,704,884,126	(7,627,851,897)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	3,772,368,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.8	(24,664,179,168)	(3,477,616,463)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17,550,984,439	11,572,333,128
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		272,163,038,318	144,086,721,006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(125,725,810,093)	34,640,999,717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39,947,036,147)	(27,202,405,302)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(80,319,913,393)	53,500,597,303
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4,823,834,824)	499,707,073
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22,VI.4	(17,550,984,439)	(11,856,052,375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(41,284,606,861)	(15,311,952,992)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		89,350,000	530,850,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,859,188,108)	(3,525,033,352)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(43,258,985,547)</b>	<b>175,363,431,078</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13	(75,383,292,921)	(41,223,614,436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130,113,065,763)	(118,318,696,835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		65,704,837,567	87,610,045,693
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	19,351,519,387	3,477,616,463
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(120,440,001,730)</b>	<b>(68,454,649,115)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	-	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(4,171,904,737)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.26	850,385,469,341	107,967,485,611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.26	(767,249,898,911)	(356,867,992,281)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	-	(25,850,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>78,963,665,693</b>	<b>(121,966,356,670)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(84,735,321,584)</b>	<b>(15,057,574,707)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>111,656,276,573</b>	<b>128,714,275,030</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(166,434,291)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>26,920,954,989</b>	<b>113,490,266,032</b>

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2011



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Trương Tuyết Phương  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### QUÝ II/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		Đơn vị tính: VND
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	829,037,021,066	702,654,415,570	1,629,755,107,325	1,347,739,421,029	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	7,734,337,202	334,123,094	7,786,594,277	931,412,213	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	821,302,683,864	702,320,292,476	1,621,968,513,048	1,346,808,008,816	
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	648,992,195,466	590,555,241,114	1,331,132,313,896	1,129,046,625,305	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VL3	172,310,488,398	111,765,051,362	290,836,199,152	217,761,383,511	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	46,716,933,927	8,764,879,340	82,661,798,730	27,990,521,844	
7. Chi phí tài chính	22	VL4	23,624,988,732	7,564,431,784	40,880,110,051	23,465,478,555	
Trong đó: chi phí lãi vay	23	VL4	8,839,960,114	4,231,802,550	17,550,984,439	11,572,333,128	
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	46,160,301,190	35,142,939,624	88,456,400,056	93,641,514,673	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	7,803,350,037	7,482,047,233	12,611,612,044	13,782,665,903	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VL6	141,438,782,366	70,340,512,061	231,549,875,731	114,862,246,224	
11. Thu nhập khác	31	VL7	49,042,924	372,155,180	163,852,524	576,151,196	
12. Chi phí khác	32	VL8	608,423,082	35,286,122	2,099,733,915	69,455,644	
13. Lợi nhuận khác	40	VL8	(559,380,158)	336,869,058	(1,935,881,391)	506,695,552	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VL8	140,879,402,208	70,677,381,119	229,613,994,340	115,368,941,776	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	25,358,292,397	12,309,267,984	41,330,518,981	19,042,247,666	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		115,521,109,811	58,368,113,135	188,283,475,359	96,326,694,110	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9					



Nguyễn Thị Kim Đào  
 Kế toán trưởng



Trương Tuyết Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

#### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

#### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

#### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

#### **15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
30/06/2011 : 20.618 VND/USD

#### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	3.397.654.597	4.971.584.216
Tiền gửi ngân hàng	23.523.300.392	83.684.692.357
Các khoản tương đương tiền (*)		23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>26.920.954.989</u></b>	<b><u>111.656.276.573</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	35.252.822.178	32.197.256.415
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	100.000.000.000	70.000.000.000
Cho Vạn Đức Tiền Giang vay	31.057.500.000	-
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	5.660.878.182	5.365.715.749
<b>Cộng</b>	<b><u>171.971.200.360</u></b>	<b><u>107.562.972.164</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 32.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

##### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	33.292.163.879	20.453.917.323
Các khách hàng nước ngoài	465.402.580.214	446.482.059.416
<b>Cộng</b>	<b><u>498.694.744.093</u></b>	<b><u>466.935.976.739</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	103.847.068.387	7.792.705.125
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	5.015.529.060
<b>Cộng</b>	<b><u>103.847.068.387</u></b>	<b><u>12.808.234.185</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	35.011.322.994	17.868.038.116
Phải thu khác	6.827.127.254	2.470.854.523
<b>Cộng</b>	<b><u>41.838.450.248</u></b>	<b><u>20.338.892.639</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	84.882.960.682
Nguyên liệu, vật liệu	39.835.512.402	27.084.051.170
Công cụ, dụng cụ	3.013.276.025	2.401.572.908
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	280.696.306.187	217.794.939.402
Thành phẩm	126.018.875.759	66.770.672.102
Hàng hóa	986.432.739	222.614.917
Hàng gửi bán	-	11.446.555.784
<b>Cộng</b>	<b><u>450.550.403.112</u></b>	<b><u>410.603.366.965</u></b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu		337.367.454
Công cụ, dụng cụ		22.003.532
Thành phẩm	35.792.729.858	14.728.474.746
<b>Cộng</b>	<b><u>35.792.729.858</u></b>	<b><u>15.087.845.732</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu kỳ	773.299.178
Tăng trong kỳ	724.417.977
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	<u>(820.241.195)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>677.475.960</u></b>

**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	4.857.085.688	530.658.754
<b>Cộng</b>	<b><u>4.857.085.688</u></b>	<b><u>530.658.754</u></b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho nhân viên Công ty.

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	164.797.696.297	313.945.614.464	5.937.983.403	853.725.470	485.535.019.634
Tăng trong kỳ	20.022.670.000	19.638.972.049	-	-	39.661.642.049
Mua sắm mới	20.022.670.000	19.638.972.049			39.661.642.049

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>184.820.366.297</b>	<b>333.584.586.513</b>	<b>5.937.983.403</b>	<b>853.725.470</b>	<b>525.196.661.683</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	23.861.798.405	123.410.291.773	2.899.403.164	642.446.286	150.813.939.628
Khấu hao trong kỳ	5.533.761.112	22.781.721.460	418.975.079	76.607.612	28.811.065.263
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.395.559.517</b>	<b>146.192.013.233</b>	<b>3.318.378.243</b>	<b>719.053.898</b>	<b>179.625.004.891</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	140.935.897.892	190.535.322.691	3.038.580.239	211.279.184	334.721.080.006
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>155.424.806.780</b>	<b>187.392.573.280</b>	<b>2.619.605.160</b>	<b>134.671.572</b>	<b>345.571.656.792</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 101.103.443.649 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

#### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	38.258.511.450	540.229.790	38.798.741.240
Mua trong kỳ	700.000		700.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.259.211.450</b>	<b>540.229.790</b>	<b>38.799.441.240</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	507.095.943	413.212.514	920.308.457
Khấu hao trong kỳ	104.916.402	41.372.916	146.289.318
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>612.012.345</b>	<b>454.585.430</b>	<b>1.066.597.775</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	37.751.415.507	127.017.276	37.878.432.783
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>37.647.199.105</b>	<b>85.644.360</b>	<b>37.732.843.465</b>

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 5.138.311.100 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công trình nhà xưởng số 1	75.386.075			75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250			1.920.571.250
Chi phí đào ao nuôi cá	3.453.548.173	5.254.329.399		8.707.877.572
Phần mềm quản lý	-	81.000.000		81.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	732.181.156	5.316.370.192		6.048.551.348
<b>Cộng</b>	<b>6.181.686.654</b>	<b>10.651.699.591</b>	<b>-</b>	<b>16.833.386.245</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	5.200.371	52.003.709.506	5.200.371	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		8.651.533.184		8.651.533.184
<b>Cộng</b>		<b>60.655.242.690</b>		<b>60.655.242.690</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi	Số cuối kỳ
			phí trong kỳ	
Công cụ, dụng cụ	9.244.468.569	2.147.026.396	(1.987.641.289)	9.403.853.676
Tiền thuê đất	17.923.022.331	6.300.000.000	(1.539.727.065)	22.683.295.266
<b>Cộng</b>	<b>27.167.490.900</b>	<b>8.447.026.396</b>	<b>(3.527.368.354)</b>	<b>32.087.148.942</b>

**16. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	336.846.963.259	249.283.832.136
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	97.836.988.253	50.483.832.136
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(ii)</sup>	168.000.000.000	198.800.000.000
- Ngân hàng HSBC <sup>(iii)</sup>	71.009.975.006	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>336.846.963.259</b>	<b>249.283.832.136</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(ii) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, nhà 384 Nguyễn Trãi và khoản tiền gửi có kỳ hạn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng HSBC - Chi nhánh TPHCM để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và các khoản phải thu tương đương 80 tỷ.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	249.283.832.136	850.385.469.341	(762.822.338.218)	336.846.963.259
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>249.283.832.136</b>	<b>850.385.469.341</b>	<b>(762.822.338.218)</b>	<b>336.846.963.259</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	126.626.960.713	134.599.102.940
Các nhà cung cấp nước ngoài	4.187.224.317	31.085.095.241
<b>Cộng</b>	<b><u>130.814.185.030</u></b>	<b><u>165.684.198.181</u></b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	1.021.432.510	312.022.075
Các khách hàng nước ngoài	2.890.734.472	265.525.087
<b>Cộng</b>	<b><u>3.912.166.982</u></b>	<b><u>577.547.162</u></b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	-	12.204.892.304	(12.204.892.304)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(530.658.754)	26.880.646	(4.353.307.580)	(4.857.085.688)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.431.111.653	41.330.518.981	(41.284.606.861)	34.477.023.773
Thuế thu nhập cá nhân	267.126.730	404.166.166	(455.439.969)	215.852.927
Thuế nhà đất	-	386.399.989	(386.399.989)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>34.167.579.629</u></b>	<b><u>54.355.858.086</u></b>	<b><u>(58.687.646.703)</u></b>	<b><u>29.835.791.012</u></b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí khác	1.028.850.000	47.710.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.028.850.000</u></b>	<b><u>4.592.971.990</u></b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ tức phải trả	45.400.000	45.400.000
Kinh phí công đoàn	2.075.904.061	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	910.268.196	554.638.042
Các khoản phải trả khác	121.530.105.056	166.240.031.546
<b>Cộng</b>	<b><u>124.561.677.313</u></b>	<b><u>168.533.908.670</u></b>

**24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ và chi phí hàng trả về.

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Trích quỹ trong kỳ</u>	<u>Thu khác trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	16.059.953.789	10.701.748.000		(3.541.500.000)	23.220.201.789
Quỹ phúc lợi	3.680.923.003	4.280.699.000	89.350.000	(2.301.063.108)	5.749.908.895
<b>Cộng</b>	<b><u>19.740.876.792</u></b>	<b><u>14.982.447.000</u></b>	<b><u>89.350.000</u></b>	<b><u>(5.842.563.108)</u></b>	<b><u>28.970.110.684</u></b>

**26. Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất của khu đất 17.186,5 m<sup>2</sup>.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

Từ 01 năm trở xuống	-
Trên 01 năm đến 05 năm	19.200.000.000
Trên 05 năm	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>19.200.000.000</u></b>

**27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu kỳ	1.644.785.581
Số trích lập trong kỳ	573.097.480
Số chi trong kỳ	(119.615.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.098.268.061</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****28. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
					Cộng
Số dư đầu kỳ	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	249.436.576.073	880.031.995.455
Lợi nhuận trong kỳ				188.283.475.359	188.283.475.359
Trích quỹ trong kỳ				(14.982.447.000)	(14.982.447.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(4.171.904.737)		(4.171.904.737)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>191.808.000.000</b>	<b>(36.897.215.355)</b>	<b>422.737.604.432</b>	<b>1.049.161.119.077</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.198.750)	(1.052.920)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.198.750)	(1.052.920)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	<b>1.629.755.107.325</b>	<b>1.347.739.421.029</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	383.614.335.711	322.786.039.277
- Doanh thu bán thành phẩm	1.023.553.771.154	860.953.835.421
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.326.636.027	2.493.540.785
- Doanh thu nguyên vật liệu	2.527.524.404	160.836.989.086
- Doanh thu phế phẩm	199.732.840.029	669.016.460
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(7.786.594.277)	(931.412.213)
- Giảm giá hàng bán	(67.191.505)	(97.123.445)
- Hàng bán bị trả lại	(7.719.402.772)	(834.288.768)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.621.968.513.048</b>	<b>1.346.808.008.816</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	382.621.538.546	322.781.356.709
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.016.759.974.042	860.027.105.776
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.326.636.027	2.493.540.785

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- <i>Doanh thu thuần nguyên vật liệu</i>	2.527.524.404	160.836.989.086
- <i>Doanh thu thuần phế phẩm</i>	199.732.840.029	669.016.460
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa	344.325.349.342	300.677.330.953
Giá vốn của thành phẩm	814.614.670.310	683.045.710.742
Giá vốn của nguyên vật liệu	2.826.789.113	2.668.611.489
Giá vốn của phế phẩm	169.365.505.131	150.282.824.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.627.851.897)
<b>Cộng</b>	<b>1.331.132.313.896</b>	<b>1.129.046.625.305</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.927.850.017	149.207.213
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	200.749.597	264.217.539
Lãi cho vay	7.460.162.432	3.328.409.250
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	665.888.572	1.862.535.422
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.326.166.719	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.080.981.393	22.386.152.420
<b>Cộng</b>	<b>82.661.798.730</b>	<b>27.990.521.844</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	17.550.984.439	11.572.333.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.772.368.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.329.125.612	8.120.777.427
<b>Cộng</b>	<b>40.880.110.051</b>	<b>23.465.478.555</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	2.292.791.713	2.210.265.331
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	254.101.000	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.872.045	23.490.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.528.148.410	62.827.480.967
Chi phí khác	39.333.486.888	28.529.556.964
<b>Cộng</b>	<b>88.456.400.056</b>	<b>93.641.514.673</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.651.796.826	4.105.970.159
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.079.222.178	272.171.372
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.086.146.706	781.365.252
Thuế, phí và lệ phí	1.093.637.339	275.251.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.159.250	815.850.000
Chi phí khác	3.340.649.745	7.532.057.550
<b>Cộng</b>	<b>12.611.612.044</b>	<b>13.782.665.903</b>

### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	163.852.524	576.151.196
<b>Cộng</b>	<b>163.852.524</b>	<b>576.151.196</b>

### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	2.099.733.915	69.455.644
<b>Cộng</b>	<b>2.099.733.915</b>	<b>69.455.644</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2011
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>	
Mua nguyên liệu	21.319.371.440
Bán hàng hóa	122.337.000
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Mua nguyên liệu	11.108.071.100
Bán hàng hóa	415.558.000

Tại ngày 30/06/2011, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
------------	-----------

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	6.995.754.189	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	9.729.795.700	93.385.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>16.725.549.889</b>	<b>5.706.852.744</b>

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	10.304.633.600	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>10.304.633.600</b>	-

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

**Lũy kế 6 tháng đầu năm 2011**

<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>	
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	327.541.581.877
Mua hàng hóa, dịch vụ	409.094.285.580
Cho vay	93.000.000.000
Lãi cho vay	6.836.938.889
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>	
Bán thành phẩm, hàng hóa	463.487.615.231
<b>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</b>	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	12.295.507.246
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	59.251.751.027
<b>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</b>	
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	19.116.248.433
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất, nhận xuất khẩu ủy thác	258.899.467.004
Cho vay	31.057.500.000

Tại ngày 30/06/2011, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>		
Phải thu tiền cho vay	100.000.000.000	70.000.000.000
Lãi cho vay + phải thu tiền thu hộ	35.011.322.994	17.868.038.116
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu tiền hàng	318.609.356.483	317.540.388.928
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	6.117.871.482	879.294.941
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng	5.611.237.917	5.343.401.273
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>465.349.788.876</b>	<b>411.631.123.258</b>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	65.954.858.181	105.182.080.412
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải trả khác	138.675.040	128.737.600
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Tiền mua hàng	4.752.867.000	
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	13.125.777.985	65.161.572.388
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	105.303.589.416	99.820.646.049
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>189.275.767.622</b>	<b>270.293.036.449</b>

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2011



**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng




**Trương Tuyết Phương**  
Phó Tổng Giám đốc